

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG HỖ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Đồng Hỷ, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG HỖ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Công văn số 3292/SNNMT-KHTC ngày 21/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên về việc thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-BVĐCT ngày 29/10/2025 của Ban vận động cứu trợ tỉnh Thái Nguyên về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ Nhân dân khắc phục thiệt hại về nhà ở; về nông, lâm, thủy sản do cơn bão số 11 (Matmo) và mưa lũ sau bão gây ra trên địa bàn xã Đồng Hỷ;

Căn cứ Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ về Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định danh sách, kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại về nông, lâm, thủy sản do mưa bão gây ra trên địa bàn xã Đồng Hỷ (đợt 1).

Căn cứ Tờ trình số 21 /TTr-HĐTĐ ngày 09 /02/2026 của Hội đồng thẩm định về việc đề nghị phê duyệt Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung diện tích, kinh phí hỗ trợ thiệt hại do ảnh hưởng củ cơn bão số 11 năm 2025 trên địa bàn xã Đồng Hỷ gây ra về trồng trọt của 5 xóm Đồng Thái, Đồng Thịnh, Việt Cường, Tân Thái, Phúc Thành (tại Quyết định QĐ số 1102/QĐ-UBND ngày

10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ) và bổ sung diện tích thiệt hại của xóm Tam Thái, Tướng Quân

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định (tại Quyết định 1076/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ, cụ thể như sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh, bổ sung diện tích, kinh phí hỗ trợ thiệt do mưa bão gây ra về cây trồng của 05 xóm Đồng Thịnh, Đồng Thái, Việt Cường, Tân Thái, Phúc Thành tại Quyết định QĐ số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ và bổ sung kinh phí hỗ trợ thiệt do mưa bão gây ra về cây trồng của 02 xóm Tam Thái và xóm Tướng Quân.

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Kinh phí đã phê duyệt tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ	Kinh phí điều chỉnh giảm	Kinh phí điều chỉnh tăng	Kinh phí sau điều chỉnh	Ghi chú
1	Xóm Đồng Thịnh	46.998	3.464		43.534	Biểu số 22 QĐ số 1102/QĐ-UBND
2	Xóm Đồng Thái	86.540	19.856		66.684	Biểu số 25 QĐ số 1102/QĐ-UBND
3	Xóm Việt Cường	94.282	594	2.540	96.228	Biểu số 20 QĐ số 1102/QĐ-UBND
4	Xóm Tân Thái	81.428	1.500		79.928	Biểu số 24 QĐ số 1102/QĐ-UBND
5	Xóm Phúc Thành	144.248	2.011	6.212	148.449	Biểu số 17 QĐ số 1102/QĐ-UBND
6	Xóm Tam Thái	0		407	407	Bổ sung
7	Xóm Tướng Quân	0		2.620	2.620	Bổ sung
	Cộng	453.496	27.425	11.779	437.850	

- Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm do một số hộ có diện tích đất đã được bồi thường để thực hiện dự án Đường vành đai I, tuyến tránh đô thị Hóa Thượng và dự án Khu dân cư số 3; điều chỉnh giảm một số hộ do trùng tên; Điều chỉnh tăng do bổ sung thêm hộ thiệt hại đã cung cấp giấy tờ về loại hình sử dụng đất.

(Chi tiết điều chỉnh, bổ sung có biểu kèm theo)

2. Các nội dung khác không thực hiện điều chỉnh tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ.

Điều 2. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Đồng Hỷ tổ chức thực hiện chi trả cho Nhân dân đảm bảo đúng nội dung, đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch và có trách nhiệm thanh quyết toán nguồn kinh phí được hỗ trợ theo các quy định hiện hành; lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã Đồng Hỷ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, KT.(T.N.Khai)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tùng

BIỂU SỐ 01: BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG XÓM ĐỒNG THỊNH
Kinh phí hỗ trợ cây trồng bị thiệt hại do bão số 11 gây ra
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của UBND xã Đông Hỷ)

DVT: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Kinh phí được duyệt tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đông Hỷ						Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)										Kinh phí sau điều chỉnh, bổ sung										Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Ghi chú							
		Thiệt hại trên 70% diện tích (m ²)		Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m ²)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%		Kinh phí hỗ trợ mức 30-70%		Thiệt hại trên 70% diện tích (m ²)		Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m ²)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%		Kinh phí hỗ trợ mức 30-70%		Thiệt hại trên 70% diện tích (m ²)		Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m ²)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%		Kinh phí hỗ trợ mức 30-70%												
		Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây hàng năm khác	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây hàng năm khác	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày			Cây trồng lâu năm						
																															Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Tổng kinh phí (nghìn đồng)		
1	Lưu Văn Đức			3.460			0	0	1.730	0	1.730	2.170																2.170	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại							
2	Tạ Văn Vòng	2.840	600				2.840	900	0	0	3.740	0	-250																3.365	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
3	Nguyễn Văn Vinh	2.520					2.520	0	0	0	2.520	-630																	1.890	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
4	Trần Thị Ngọc		3.500				0	0	1.750	0	1.750		-1.950																775	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
5	Dương Văn Ngọc	3.600					3.600	0	0	0	3.600																		3.600							
6	Tô Văn Thắng		2.490				0	0	1.245	0	1.245	1.880	-2.490																1.880	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
7	Tô Thị Dương		1.620				0	0	810	0	810		-370															625	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3							
8	Lý Quý Minh		660				0	0	330	0	330		0															330								
9	Dương Văn Bình	2.240					2.240	0	0	0	2.240	-600	470															105	2.345	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
10	Đàm Thị Hào	2.290	750				2.290	1.125	0	0	3.415	-2.290	-160																885	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
11	Đàm Thị Hoa	1.400					1.400	0	0	0	1.400																		1.400							
12	Dương Thị Giải		6.040				0	0	3.020	0	3.020		-2.298																1.871	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
13	Dương Thị Hoa	1.980					1.980	0	0	0	1.980	-1.350	360																1.170	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
14	Chu Văn Đông		910				0	0	455	0	455		0															455								
15	Lưu Văn Lan	940					890	940	0	0	890	1.830	980																2.410	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
16	Đàm Thị Huế		1.810				0	0	905	0	905	1.450																	1.450	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
17	Trần Văn Đức		1.840				0	0	920	0	920		-1.140															350	350	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3						
18	Dương Văn An	350					0	525	0	0	525	1.150																	1.675							
19	Tạ Văn Chước (Chước)	490					0	735	0	0	735		-490															294	Điều chỉnh mức độ thiệt hại							
20	Hoàng Thị Hạnh	500					0	750	0	0	750																		750							
21	Liêu Văn Dũng	590	770				590	1.155	0	0	1.745	480	240	200															3.185	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3						
22	Lưu Văn Tùng		900				0	0	450	0	450	900		-900															900	Điều chỉnh mức độ thiệt hại						
23	Nguyễn Thị Tinh		2.970				0	0	1.485	0	1.485																		1.485							
24	Trần Xuân Vương	1.340	360				1.340	540	0	0	1.880	-1.340	360	-360															216	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
25	Nguyễn Văn Thái	2.530	280				2.530	420	0	0	2.950																		2.950							
26	Lưu Văn Tài	435	1.700				0	653	850	0	1.503	1.370		-1.700															2.023	Điều chỉnh diện tích do một phần diện tích thiệt hại đã bồi thường để thực hiện dự án khu dân cư số 3 và mức độ thiệt hại						
27	Đỗ Mạnh Ngọc			1.400			0	0	0	1.400	1.400																		1.400							
28	Lý Văn Nguyễn	240	2.650				0	360	1.325	0	1.685																		1.685							
	Tổng	22.278	4.775	38.590	2.298	22.278	7.163	15.275	2.290	46.998	3.190	890	790	200	-16.118	890	3.190	510	1.185	600	-8.879	890	-3.464	25.466	890	5.565	200	14.432	1.400	25.466	510	8.348	600	7.216	1.400	43.534

BIỂU SỐ 02: BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG XÓM ĐỒNG THÁI
Kinh phí hỗ trợ cây trồng bị thiệt hại do bão số 11 gây ra
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của UBND xã Đồng Hỷ)

DVT: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Kinh phí được duyệt tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ						Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)			Kinh phí sau điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú			
		Thiệt hại trên 70% diện tích (m2)		Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m2)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%		Kinh phí hỗ trợ mức 30-70%		Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Thiệt hại trên 70% diện tích (m2)		Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m2)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%			Kinh phí hỗ trợ mức 30-70%		Tổng kinh phí (nghìn đồng)
		Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm		Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm		Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm		Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm		Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây trồng lâu năm					
			Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch		Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch		Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản			Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	
1	Tô Văn Xuân	1.600			1.600	0	0	1.600	0	0	0	1.600				1.600	0	0	1.600	
2	Thắm Thị Hạnh	130			130	0	0	130	-130	-130	-130	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
3	Vũ Hồng Lực	340			340	0	0	340	-340	-340	-340	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
4	Nguyễn Thị Máy	710			710	0	0	710	0	0	0	710	0	0	0	710	0	0	710	
5	Thân Văn Lương	1.000			1.000	0	0	1.000	0	0	0	1.000	0	0	0	1.000	0	0	1.000	
6	Hà Thị Hương	400			400	0	0	400	0	0	0	400	0	0	0	400	0	0	400	
7	Phạm Huy Kiên	710			710	0	0	710	-710	-710	-710	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
8	Phạm Huy Sanh	250			250	0	0	250	0	0	0	250	0	0	0	250	0	0	250	
9	Bùi Văn Thành	600			600	0	0	600	-600	-600	-600	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
10	Nguyễn Thị Út	850			850	0	0	850	-850	-850	-850	0	0	0	0	0	0	0	0	Trùng tên và thử với hộ số thứ tự 46
11	Tổng Thị Hạnh	510			510	0	0	510	-510	-510	-510	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
12	Đỗ Thanh Xuân	650			650	0	0	650	-650	-650	-650	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
13	Nguyễn Trọng Bắc	410			410	0	0	410	-410	-410	-410	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
14	Tạ Thị Luyến	680			680	0	0	680	0	0	0	680	0	0	0	680	0	0	680	
15	Nguyễn Thị Chín	480			480	0	0	480	-480	-480	-480	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
16	Bùi Thị Thái	500			500	0	0	500	-500	-500	-500	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
17	Trần Văn Hùng		2.300	0	0	2.300	2.300	0	0	0	0	2.300	0	0	0	2.300	0	0	2.300	
18	Dương Văn Tư	260			260	0	0	260	-260	-260	-260	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
19	Hà Văn Dân	680			680	0	0	680	-680	-680	-680	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
20	Lý Thị Phương Mai	390			390	0	0	390	-390	-390	-390	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
21	Bùi Thị Tảo	670			670	0	0	670	0	0	0	670	0	0	0	670	0	0	670	
22	Mạc Quốc Sáng	1.370			1.370	0	0	1.370	-1.370	-1.370	-1.370	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
23	Mạc Công Minh	1.920			1.920	0	0	1.920	0	0	0	1.920	0	0	0	1.920	0	0	1.920	
24	Mạc Trung Thông	1.880			1.880	0	0	1.880	0	0	0	1.880	0	0	0	1.880	0	0	1.880	
25	Tô Thị Hương	1.070			1.070	0	0	1.070	0	0	0	1.070	0	0	0	1.070	0	0	1.070	
26	Vũ Thái Long	700			700	0	0	700	-700	-700	-700	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
27	Trần Nam Phong	450			450	0	0	450	-450	-450	-450	0	0	0	0	0	0	0	0	Diện tích đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
28	Bùi Văn Sự	400			400	0	0	400	0	0	0	400	0	0	0	400	0	0	400	

TT	Họ và tên	Kinh phí được duyệt tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ						Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)			Kinh phí sau điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú			
		Thiệt hại trên 70% diện tích (m2)		Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m2)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%		Kinh phí hỗ trợ mức 30-70%		Tổng kinh phí (nghìn đồng)	Thiệt hại trên 70% diện tích (m2)		Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m2)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%			Kinh phí hỗ trợ mức 30-70%		Tổng kinh phí (nghìn đồng)
		Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm			Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm			Cây trồng lâu năm		
		Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại đến năng suất thu hoạch	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	
29	Trần Thị Thành	410			410	0	0	410	0	0	0	410	0	0	410	0	0	410		
30	Mạc Quốc Xuân	260			260	0	0	260	-260	-260	-260	0	0	0	0	0	0	0	0	Điều chỉnh đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
31	Hoàng Thị Thành	2.500			2.500	0	0	2.500	-320	-320	-320	2.180	0	0	2.180	0	0	2.180	2.180	Điều chỉnh giảm một phần diện tích do đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
32	Lý Văn Tuấn	10.700			10.700	0	0	10.700	-700	-700	-700	10.000	0	0	10.000	0	0	10.000	10.000	Điều chỉnh giảm một phần diện tích do đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
33	Nguyễn Thị Nội	2.940			2.940	0	0	2.940	-530	-530	-530	2.410	0	0	2.410	0	0	2.410	2.410	Điều chỉnh giảm một phần diện tích do đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
34	Nguyễn Văn Bình	3.910			3.910	0	0	3.910	0	0	0	3.910	0	0	3.910	0	0	3.910	3.910	
35	Lưu Thị Lâm	4.020			4.020	0	0	4.020	-400	-400	-400	3.620	0	0	3.620	0	0	3.620	3.620	Điều chỉnh giảm một phần diện tích do đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
36	Lê Văn Tình	1.630			1.630	0	0	1.630	0	0	0	1.630	0	0	1.630	0	0	1.630	1.630	
37	Bùi Thị Khuyến	4.180			4.180	0	0	4.180	0	0	0	4.180	0	0	4.180	0	0	4.180	4.180	
38	Trần Thị Ngo	8.050			8.050	0	0	8.050	-6.286	-6.286	-6.286	1.764	0	0	1.764	0	0	1.764	1.764	Điều chỉnh giảm một phần diện tích do đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
39	Lý Thị Tâm	1.370			1.370	0	0	1.370	0	0	0	1.370	0	0	1.370	0	0	1.370	1.370	
40	Nguyễn Đắc Chức	1.010			1.010	0	0	1.010	0	0	0	1.010	0	0	1.010	0	0	1.010	1.010	
41	Nguyễn Thị Quế	4.000			4.000	0	0	4.000	-1.180	-1.180	-1.180	2.820	0	0	2.820	0	0	2.820	2.820	Điều chỉnh giảm một phần diện tích do đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
42	Diệp Thị Năm	4.000			4.000	0	0	4.000	0	0	0	4.000	0	0	4.000	0	0	4.000	4.000	
43	Vũ Thị Thiện	2.250			2.250	0	0	2.250	-590	-590	-590	1.660	0	0	1.660	0	0	1.660	1.660	Điều chỉnh giảm một phần diện tích do đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
44	Thắm Thị Thanh	3.800			3.800	0	0	3.800	-200	-200	-200	3.600	0	0	3.600	0	0	3.600	3.600	Điều chỉnh giảm một phần diện tích do đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
45	Mạc Trung Thắng	3.700			3.700	0	0	3.700	-360	-360	-360	3.340	0	0	3.340	0	0	3.340	3.340	Điều chỉnh giảm một phần diện tích do đã bồi thường thực hiện dự án khu dân cư số 3
46	Nguyễn Thị Út	3.300			3.300	0	0	3.300	0	0	0	3.300	0	0	3.300	0	0	3.300	3.300	
47	Nguyễn Thị Tuyền	2.600			2.600	0	0	2.600	0	0	0	2.600	0	0	2.600	0	0	2.600	2.600	
	Tổng	84.240	0	2.300	84.240	0	2.300	86.540	-19.856	-19.856	-19.856	64.384	2.300	0	64.384	2.300	0	66.684	-	

BIỂU SỐ 03: BIỂU TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG XÓM VIỆT CƯỜNG

Kinh phí hỗ trợ cây trồng bị thiệt hại do bão số 11 gây ra

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026 của UBND xã Đông Mỹ)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Họ và tên	Kinh phí được duyệt tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đông Mỹ										Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)								Kinh phí sau điều chỉnh, bổ sung														
		Thiệt hại trên 70% diện tích (m ²)				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m ²)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%				Kinh phí hỗ trợ mức 30- 70%		Thiệt hại trên 70% diện tích (m ²)				Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m ²)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%				Kinh phí hỗ trợ mức 30- 70%										
		Cây hàng năm khác		Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm		Cây hàng năm khác		Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm		Cây hàng năm khác		Cây trồng lâu năm		Cây hàng năm khác		Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm		Cây hàng năm khác		Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm						
		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày		Cây lâu: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày						
1	Nguyễn Thị Hồng					2.500	0	0	0	0	2.500	0	2.500	0	2.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.500	0	2.500	0	2.500		
2	Trần Thị Hương					1.440	0	0	0	0	1.440	0	1.440	0	1.440	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.440	0	1.440	0	1.440		
3	Phạm Quang Tiến	960	200				0	0	1.440	600	0	0	2.040	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	960	200		0	2.040			
4	Trần Văn Thương					1.890	0	0	0	0	1.890	0	1.890	0	1.890	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.890	0	1.890	0	1.890			
5	Tà Thị Thanh		900				0	0	0	2.700	0	0	2.700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	900		0	0	2.700			
6	Đào Thị Hoa					1.500	0	0	0	0	1.500	0	1.500	0	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.500	0	1.500	0	1.500			
7	Hoàng Văn Vương	630					0	378	0	0	0	0	378	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	630		0	0	378				
8	Lê Văn Quỳnh					1.000	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	1.000				
9	Hoàng Văn Chung	840	760				840	0	1.140	0	0	0	1.980	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	840	760		840	1.980				
10	Đào Trung Thái	1.440					0	864	0	0	0	0	864	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.440		0	0	864				
11	Lương Văn Thành	760				720	0	456	0	0	0	720	0	1.176	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	760		720	0	1.176				
12	Đào Thị Lan	790		720	340		790	0	0	0	2.160	340	0	3.290	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	790		720	340	3.290				
13	Đào Trung Việt	1.420					1.420	0	0	0	0	0	1.420	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.420		1.420	0	1.420				
14	Vũ Hồng Cãi	360				200	0	216	0	0	0	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	360		200	0	416				
15	Ngô Thị Diễm	1.000				270	0	600	0	0	0	0	270	0	870	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000		270	0	870				
16	Ngô Đức Thọ		670				0	0	1.005	0	0	0	0	1.005	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	670		0	0	1.005			
17	Vũ Thị Hoàn					1.800	0	0	0	0	1.800	0	1.800	0	1.800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.800	0	1.800	0	1.800			
18	Trần Thị Lư					360	0	0	0	0	360	0	360	0	360	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	360	0	360	0	360			
19	Hoàng Nghĩa Lương					1.220	0	0	0	0	1.220	0	1.220	0	1.220	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.220	0	1.220	0	1.220			
20	Ngô Thị Đài	360				3.800	0	216	0	0	0	3.800	0	4.016	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	360		3.800	0	4.016				
21	Nguyễn Văn Từ	1.150					0	0	1.725	0	0	0	1.725	0	1.725	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.150		1.725	0	1.725				
22	Đỗ Ngọc Linh	780					0	0	1.170	0	0	0	1.170	0	1.170	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	780		1.170	0	1.170				
23	Nguyễn Thị Liên					500	0	0	0	0	500	0	500	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	0	500	0	500				
24	Đỗ Thành Long	730					0	0	1.095	0	0	0	1.095	0	1.095	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	730		1.095	0	1.095				
25	Chu Thị Thủy	240					0	0	360	0	0	0	360	0	360	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	240		360	0	360				
26	Lê Văn Phúc					1.500	0	0	0	0	1.500	0	1.500	0	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.500	0	1.500	0	1.500				
27	Trần Đình Hoàn					3.000	0	0	0	0	3.000	0	3.000	0	3.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.000	0	3.000	0	3.000			
28	Hoàng Văn Du	360				1.080	0	216	0	0	0	1.080	0	1.296	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	360		1.080	0	1.296					
29	Hoàng Thị Thủy					5.690	0	0	0	0	5.690	0	5.690	0	5.690	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.690	0	5.690	0	5.690			
30	Phạm Ngọc Cường					2.460	0	0	0	0	2.460	0	2.460	0	2.460	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.460	0	2.460	0	2.460			
31	Nguyễn Văn Việt	1.000					0	0	1.500	0	0	0	1.500	0	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000		1.500	0	1.500				
32	Nguyễn Thị Tâm					740	0	0	0	0	740	0	740	0	740	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	740	0	740	0	740				
33	Đặng Quang Tào	340	720				340	432	0	0	0	0	772	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	340	720		340	432	0	0	0	0	1.212
34	Trần Thị Mẫn		1.030				0	0	1.545	0	0	0	1.545	0	1.545	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.030		1.545	0	1.545				
35	Đào Thị Ánh	1.850					0	1.110	0	0	0	0	1.110	0	1.110	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.850		1.110	0	1.110					
36	Đặng Quang Tân	950					0	950	0	0	0	0	950	0	950	0	0	0	0	0	0	0	0	0	950		950	0	950					
37	Đào Xuân Trường	1.260	1.440				1.260	2.160	0	0	0	0	3.420	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.260	1.440		1.260	2.160	0	0	0	3.420	
38	Lại Hồng Thái	440				2.000	440	0	0	0	0	2.000	0	2.440	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	440		2.000	440	0	0	2.000	0	2.440	
39	Hoàng Thị Nhi					2.500	0	0	0	0	2.500	0	2.500	0	2.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.500	0	2.500	0	2.500				
40	Dương Thị Thiên					700	0	0	0	0	700	0	700	0	700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	0	700	0	700				
41	Lương Thị Hương	1.000					0	600	0	0	0	0	600	0	600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000		600	0	600					
42	Nguyễn Công Quyết					2.600	0	0	0	0	2.600	0	2.600	0	2.600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.600	0	2.600	0	2.600				
43	Đoàn Thị Vi					1.000	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	1.000					
44	Hoàng Thị Mùi					2.000	0	0	0	0	2.000	0	2.000	0	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.000	0	2.000	0	2.000				
45	Phạm Thị Minh					1.000	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.000	0	1.000	0	1.000					
46	Mai Văn Đạo	240					240	0	0	0	0	0	240	0	240	0	0	0	0	0	0	0	0	0	240		240	0	240					
47	Đặng Quang Tâm	594					594	0	0	0	0	594	-594	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	594		0	0	0	0	0	0		
48	Trần Đức Long					1.400	0	0	2.100	0	0	0	2.100	0	2.100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.400		2.100	0	2.100					
49	Phạm Thị Thọ					500	0	750	0	0	0	1.100	0	1.850	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500		1.100	0	1.100	0	1.850			
50	Lê Thị Tuy					500	0	0	0	0	500	0	500	0	500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	0	500	0	500					

TT	Họ và tên	Kinh phí được duyệt tại Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Đồng Hỷ										Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)					Kinh phí sau điều chỉnh, bổ sung																		
		Thiệt hại trên 70% diện tích (m2)			Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m2)		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%		Kinh phí hỗ trợ mức 30- 70%			Tổng kinh phí	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích (m2)		Kinh phí hỗ trợ mức 30- 70%		Tổng kinh phí	Thiệt hại trên 70% diện tích (m2)			Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích		Kinh phí hỗ trợ mức trên 70%		Kinh phí hỗ trợ mức 30- 70%			Tổng kinh phí							
		Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây hàng năm khác	Cây trồng lâu năm	Cây lúa: Diện tích lúa sau gieo trồng trên 45 ngày	Cây hàng năm khác	Cây trồng lâu năm	Cây hàng năm khác	Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm	Cây hàng năm khác	Cây trồng lâu năm		Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm	Cây hàng năm khác	Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm	Cây hàng năm khác	Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm		Cây hàng năm khác	Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm	Cây trồng lâu năm			
			Giai đoạn cần thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai	Giai đoạn cần thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)		Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai							Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở					Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở				Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở					Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở			Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiết hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở
29	Nguyễn Đức Đông	2.250				2.250	0	0	0	0	2.250	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.250	0	0	0	0	2.250	0	0	0	2.250	0	0	0	0	2.250
30	Hoàng Minh Hồng	540	260			540	390	0	0	0	930	0	0	0	0	0	0	0	0	0	540	260	0	0	540	390	0	0	0	0	0	0	930		
31	Hoàng Văn Din	730	360			730	540	0	0	0	1.270	0	0	0	0	0	0	0	0	0	730	360	0	0	730	540	0	0	0	0	0	0	1.270		
32	Nguyễn Văn Hiệu		670			0	1.005	0	0	0	1.005	0	0	0	0	0	0	0	0	0	670	0	0	0	0	1.005	0	0	0	0	0	0	1.005		
33	Trịnh Thị Huyền	1.140	330			1.140	495	0	0	0	1.635	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.140	330	0	0	1.140	495	0	0	0	0	0	0	1.635		
34	Ngô Thị Na	720		500	2.610		720	0	1.500	2.610	4.830	0	0	0	0	0	0	0	0	0	720	0	500	2.610	720	0	1.500	2.610	0	0	0	0	4.830		
35	Nguyễn Văn Hiến	460	680			460	1.020	0	0	0	1.480	0	0	0	0	0	0	0	0	0	460	680	0	0	460	1.020	0	0	0	0	0	0	1.480		
36	Nguyễn Thị Sợi	530	595			530	893	0	0	0	1.423	0	0	0	0	0	0	0	0	0	530	595	0	0	530	893	0	0	0	0	0	0	1.423		
37	Phạm Văn Thắng	1.100	720			1.100	1.080	0	0	0	2.180	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.100	720	0	0	1.100	1.080	0	0	0	0	0	0	2.180		
38	Lê Thanh Hiếu	560		400	1.360		560	0	1.200	1.360	3.120	0	0	0	0	0	0	0	0	0	560	0	400	1.360	560	0	1.200	1.360	0	0	0	0	3.120		
39	Phạm Văn Hải (Hường)				1.500		0	0	0	1.500	0	-1.500		-1.500	0	-1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
40	Bùi Văn Phúc	1.080			1.320		1.080	0	0	1.320	2.400	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.080	0	0	1.320	1.080	0	0	0	1.320	0	0	0	2.400		
41	Cao Thị Mai	1.470	1.800		200		1.470	2.700	0	200	4.370	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.470	1.800	0	200	1.470	2.700	0	200	0	0	0	4.370			
42	Nguyễn Thị Đàng		1.680				0	2.520	0	0	2.520	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.680	0	0	0	2.520	0	0	0	0	0	0	2.520		
43	Lưu Thanh Hải	920					920	0	0	0	920	0	0	0	0	0	0	0	0	0	920	0	0	0	920	0	0	0	0	0	0	0	920		
44	Phạm Văn Hải			100	950		0	0	300	950	1.250	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	950	0	0	300	950	0	0	0	1.250			
45	Đào Thị Thơ			150	940		0	0	450	940	1.390	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150	940	0	0	450	940	0	0	0	1.390			
46	Trần Cao Trung				1.970		0	0	0	1.970	1.970	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.970	0	0	0	0	1.970	0	0	0	1.970		
47	Phạm Quốc Tự				1.800		0	0	0	1.800	1.800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.800	0	0	0	0	1.800	0	0	0	1.800		
48	Nguyễn Văn Hải (sen)	560					560	0	0	0	560	0	0	0	0	0	0	0	0	0	560	0	0	0	560	0	0	0	0	0	0	0	560		
49	Phạm Văn Thái	1.190					1.190	0	0	0	1.190	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.190	0	0	0	1.190	0	0	0	0	0	0	0	1.190		
50	Bùi Xuân Quý	1.040					1.040	0	0	0	1.040	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.040	0	0	0	1.040	0	0	0	0	0	0	0	1.040		
51	Nguyễn Mạnh Cường		760				0	1.140	0	0	1.140	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	760	0	0	0	1.140	0	0	0	0	0	0	1.140		
52	Lưu Hữu Chính	600					600	0	0	0	600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	0	0	0	600	0	0	0	0	0	0	0	600		
53	Nguyễn Thanh Hà	630	360				630	540	0	0	1.170	0	0	0	0	0	0	0	0	0	630	360	0	0	630	540	0	0	0	0	0	0	1.170		
	Tổng	36.965	16.215	1.150	16.690	0	36.965	24.323	3.450	16.690	0	81.428	-1.500	0	-1.500	0	-1.500	0	0	0	36.965	16.215	1.150	15.190	36.965	24.323	3.450	15.190	0	0	0	79.928			

